TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TĨNH GIA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2017
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TĨNH GIA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thế Anh

2. Bà Nguyễn Thị Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Cao Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa: Không tham gia phiên tòa:

Ngày 12/9/2017, tại hội trường xét xử TAND huyện Tĩnh Gia, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017về "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2017/QĐXX-ST ngày 29/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H - Sinh năm: 1987

Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Lê Đình T - Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về hôn nhân:

*Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2017, bản tự khai ngày 14/8/2017 cũng như trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, chị Lê Thị H trình bày:

Chị và anh Lê Đình T tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 13/02/2006 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới, vợ chồng đều làm nghề tự do và chung sống hạnh phúc chỉ một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra va chạm. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không

có kết quả. Tháng 7/2014, do không thể tiếp tục chung sống với anh T nên chị đã đưa con về nhà mẹ đẻ để ở. Kể từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh Lê Đình T.

*Tại bản tự khai ngày 14/8/2017, cũng như trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, anh Lê Đình T trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị H khai là đúng. Sau khi cưới, gia đình vợ chồng nào cũng có va chạm. Sáng ngày 13/6/2014, bản thân anh và chị H có cãi nhau to tiếng, sau đó chị H bỏ về nhà mẹ đẻ. Đến 12 giờ cùng ngày bố mẹ và anh trai của anh có xuống nhà nói chuyện với bố mẹ đẻ chị H và mời ông bà lên nhà anh cùng bên nội để họp gia đình.

Đúng 7 giờ tối ngày 13/6/2014, bố mẹ chị H có lên họp gia đình, thành phần họp gồm có: Bố mẹ anh, bố mẹ chị H cùng các anh em bên nội.

Bố đẻ anh là ông Lê Đình B làm chủ trì cuộc họp trình bày, phân tích sự việc cho cả hai bên nội và ngoại cùng nghe. Sau đó bố đẻ chị H là ông Lê Văn S đã đồng tình và nhất trí với những quan điểm khiếm khuyết của chị H và yêu cầu con gái có lời xin lỗi với chồng và gia đình bên nội.

Sau cuộc họp kết thúc, chị H đã chủ động vào nhà lấy quần áo rồi bỏ về nhà bố mẹ đẻ bỏ con lại cho anh. Sau thời gian một tháng, chị H gọi điện và nói với anh là không về trên nhà anh nữa, nếu muốn vợ chồng đoàn tụ thì xuống nhà mẹ đẻ của chị để ở.

Bố mẹ anh bàn với anh nhưng anh không nghe, anh quyết định xuống nhà mẹ vợ ở được thời gian gần hai tháng, sau đó vợ chồng lại xích mích, chị H đã đập phá đồ đạc, chặt giường, chiếu, đệm. Anh Lê Văn Đ là anh trai chị H thấy vậy đã chở anh về trên nhà nội ở cho đến nay.

Trong thời gian vợ chồng không ở chung với nhau, chị H đã bỏ đi Trung Quốc một thời gian. Ngày 28/8/2015, chị H quay về và vào làm tại Công ty giày A tại huyện T. Nay anh cũng xét thấy tình trạng hôn nhân không thể níu kéo và hàn gắn được nữa, nên nếu chị H làm đơn đề nghị được ly hôn thì anh cũng hoàn toàn nhất trí.

2. Về con chung: Hai bên đương sự thống nhất vợ chồng có 02 con chung là: Lê Thị H1- sinh ngày 01/8/2006 và Lê Đình Q - sinh ngày: 08/02/2011.

Nếu ly hôn, chị H có nguyện vọng xin được nuôi cả 02 con, còn nếu không được nuôi cả hai con thì chị yêu cầu được trực tiếp nuôi một trong hai cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; anh T có nguyện của xin được nuôi cả 02 con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

3. Về tài sản: Hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, hai bên đương sự đều có mặt tại phiên tòa và giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

1. Về Hôn nhân: Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Lê Đình T là hôn nhân hợp pháp. Bởi lẽ, anh chị tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và thực hiện đầy đủ thủ tục kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án cả chị H và anh T đều thừa nhận trong cuộc sống chung của vợ chồng đã có rất nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn của vợ chồng cũng đã được 2 bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Chị H đã nhiều lần bỏ đi, nhưng sau đó được bố mẹ hai bên dàn xếp, hòa giải nên vợ chồng lại quay về với nhau nhưng chỉ được một thời gian ngắn lại phát sinh mâu thuẫn rồi vợ chồng lại sống ly thân nhau. Thực tế chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở nên vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Nay cả anh T và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Do đó HĐXX căn cứ Điều 55 luật Hôn nhân gia đình để công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Lê Đình T.

2. Về con chung: Hai bên đương sự thống nhất vợ chồng có 02 con chung là: Lê Thị H1 - sinh ngày 01/8/2006 và Lê Đình Q - sinh ngày: 08/02/2011.

Nếu ly hôn, chị H có nguyện vọng xin được nuôi cả 02 con, còn nếu không được nuôi cả hai con thì chị yêu cầu được trực tiếp nuôi một trong hai cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; anh T có nguyện của xin được nuôi cả 02 con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Xét nguyện vọng nuôi con của các đương sự, HĐXX thấy rằng: Do các bên đương sự không thoả thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con nên khi quyết định giao con cho ai nuôi cần xem xét ý kiến của các đương sự, nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên nhưng phải phù hợp pháp luật và nhằm đảm bảo, ổn định cuộc sống cho con. Tại bản tự khai ngày 28/8/2017, cháu Lê Thị H1 có nguyện vọng được ở với anh T nếu bố mẹ ly hôn, còn cháu Lê Đình Q chưa đủ 7 tuổi nên theo quy định của pháp luật chưa phải hỏi nguyện vọng của cháu. Xét yêu cầu được nuôi con của các đương sự và nguyện vọng của cháu H1 là chính đáng. Tại phiên tòa hôm nay, chị H đề nghị HĐXX cho chị được trực tiếp nuôi cháu Q, còn anh T vẫn giữ nguyên nguyện vọng được nuôi cả 2 cháu. Căn cứ vào nguyện vọng của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay cũng như xem xét nguyện vọng của cháu H1 để quyết định giao con cho ai nuôi nhằm đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự và phù hợp với nguyện vọng của các con.

Từ những lý do nói trên, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của đương sự và phù hợp với nguyện vọng của các con, nghĩ cần giao cháu Lê Thị H1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Đình Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng vì dù sao cháu Q cũng đang còn nhỏ nên cũng cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ hơn. Hai bên đương sự không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không bên nào được ngăn cấm phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

3. Về tài sản: Hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Trong vụ án này, chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Dành quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55 và Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27; tiểu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Lê Đình T.

- Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là: Lê Thị H1 - sinh ngày 01/8/2006 và Lê Đình Q - sinh ngày: 08/02/2011.

Nay ly hôn giao cháu Lê Đình Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Thị H1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không bên nào được ngăn cấm.

- Về tài sản: Hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002384 ngày 03/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai nói trên.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị H và anh T tại phiên tòa. Tuyên bố các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Chi cục THADS huyện Tĩnh Gia;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hạnh